

Mã nhận dạng : 003128

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 10**

CBGD: **Nguyễn Kim Nam (260004)**

Số SV có mặt: .....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

| STT | Mã SV      | Họ và Tên                 | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên |
|-----|------------|---------------------------|------------|----------|-------|-------------|-----------|-----------|------------|---------|----------------------------------|
| 1   | 2119120585 | VÕ THỊ KIM ANH            | 04/09/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 8.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 2   | 2119120586 | BÙI THỊ KIM ÁNH           | 21/03/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            |         | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 3   | 2119120587 | TRẦN NGỌC BẢO             | 30/05/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 8.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 4   | 2120120071 | NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU      | 05/10/2002 | CCQ2012C |       |             |           |           |            | 6.5     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 5   | 2120120353 | NGUYỄN THỊ MỸ DANH        | 25/10/2002 | CCQ2012K |       |             |           |           |            | 8.5     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 6   | 2119120588 | ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM          | 24/03/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            |         | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 7   | 2120120355 | NGUYỄN HUỲNH THỊ NGỌ DUNG | 22/03/2002 | CCQ2012K |       |             |           |           |            | 8.5     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 8   | 2119190005 | NGUYỄN HUỲNH QUỐC ĐẠI     | 03/03/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 9.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 9   | 2119120589 | NGUYỄN KIM HẰNG           | 05/01/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 9.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 10  | 2119120590 | NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN      | 20/04/2000 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 9.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 11  | 2119120592 | TRƯƠNG THANH HIỀN         | 24/11/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 8.5     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 12  | 2120120398 | TRẦN VIỆT HOÀNG           | 21/12/2002 | CCQ2012L |       |             |           |           |            | 8.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 13  | 2120120400 | NGUYỄN THỊ MINH HỘI       | 07/05/2002 | CCQ2012L |       |             |           |           |            | 8.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 14  | 2119120593 | LÊ THỊ NGỌC HUYỀN         | 11/12/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            |         | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 15  | 2119120594 | NGÔ THỊ THANH HUYỀN       | 14/08/2000 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            |         | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 16  | 2119170079 | LÊ HUYNH                  | 23/06/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 8.0     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 17  | 2120120289 | GIANG TRUNG KIẾN          | 29/09/2001 | CCQ2012I |       |             |           |           |            |         | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 18  | 2120120404 | CAO THỊ HỒNG LINH         | 10/04/2002 | CCQ2012L |       |             |           |           |            | 7.5     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 19  | 2119120597 | ĐỖ VĂN MẠNH               | 02/08/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            |         | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |
| 20  | 2119120598 | NGUYỄN VĂN MẠNH           | 27/02/1998 | CCQ1912Q |       |             |           |           |            | 7.5     | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩              |

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 003128

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 10**  
CBGD: **Nguyễn Kim Nam (260004)**

Số SV có mặt: .....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Vi

| STT | Mã SV      | Họ và Tên           | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên |
|-----|------------|---------------------|------------|----------|-------|-------------|-----------|----------|-----------|---------|----------------------------------|
| 21  | 2120120080 | DIỆP NGỌC HỒNG MI   | 09/09/2002 | CCQ2012C |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 22  | 2119120600 | TRẦN THỊ THU NGUYỆT | 26/02/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 23  | 2119130071 | BÙI THỊ YẾN         | 30/09/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 24  | 2120120674 | ĐỖ THỊ QUỲNH        | 08/05/2002 | CCQ2012K |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 25  | 2119270120 | LÊ HUỲNH            | 22/11/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 26  | 2119120603 | NGUYỄN THỊ THU      | 17/06/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 27  | 2120120086 | TRẦN THỊ TUYẾT      | 27/08/2002 | CCQ2012C |       |             |           |          |           | 8.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 28  | 2119120604 | CHẾ THỊ HOÀNG       | 07/05/1999 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 29  | 2119120607 | VŨ THỊ              | 02/06/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 30  | 2119120650 | PHAN THỊ HỒNG       | 24/07/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 31  | 2119120608 | HÀ HẢI              | 21/10/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 32  | 2119120610 | NGUYỄN THỊ THÚY     | 15/04/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 33  | 2119120611 | NGUYỄN KIỀU         | 25/04/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 34  | 2120120101 | NGUYỄN THỊ NGỌC     | 21/10/2002 | CCQ2012C |       |             |           |          |           | 8.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 35  | 2119270196 | NGUYỄN HỮU          | 20/04/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 7.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 36  | 2119120613 | PHẠM NGỌC           | 23/11/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 37  | 2119120615 | PHAN THỊ CẨM        | 12/10/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 38  | 2120120380 | TRẦN THỊ THANH      | 12/06/2002 | CCQ2012K |       |             |           |          |           | 8.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 39  | 2120120678 | HỒ NGỌC PHƯƠNG      | 19/07/2002 | CCQ2012K |       |             |           |          |           | 6.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
| 40  | 2119120618 | NGUYỄN NGỌC         | 06/02/2001 | CCQ1912Q |       |             |           |          |           | 8.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |
|     |            |                     |            |          |       |             |           |          |           | 7.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         |



Mã nhận dạng : 003128

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 10**

CBGD: **Nguyễn Kim Nam (260004)**

Số SV có mặt: .....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

|                  |                  |      |
|------------------|------------------|------|
| Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Vi |
|------------------|------------------|------|

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ<br>Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>40% | Đ.Thi<br>60% | Điểm<br>HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên             |
|-----|------------|--------------------|------------|----------|-------|----------------|-----------|-------------|--------------|------------|----------------------------------------------|
| 41  | 2119120617 | NGUYỄN THỊ KIM YẾN | 14/07/2001 | CCQ1912Q |       |                |           |             |              | 8,0        | (9) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (10) |